

Tăng tỷ trọng

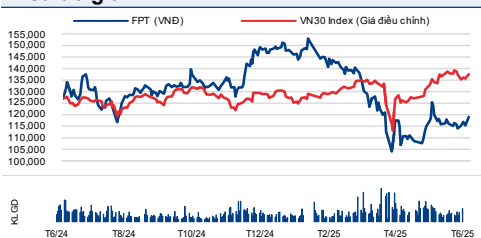
Giá mục tiêu: VNĐ140,600

Tiềm năng tăng/giảm: 18.4%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/6/2025)	118,800
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	104,207-152,988
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	117,733
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	175,982
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,752
Sig CP lưu hành (tr.đv)	1,481
Sig CP NN được sở hữu (tr.đv)	726
Sig CP NN được mua (tr.đv)	107
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	41.8%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	62,849	71,099	81,696
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,044	14,981	17,061
LNTT (tỷ đồng)	11,070	12,887	14,880
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,849	9,042	10,408
FCF (tỷ đồng)	8,428	5,833	8,542
EPS ĐC (đồng)	4,917	5,621	6,470
DPS (đồng)	2,000	2,500	2,500
BVPS (đồng)	20,253	23,286	27,256
T.trưởng EBITDA (%)	21.5	14.9	13.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.47	14.3	15.1
Tăng trưởng DPS (%)	0	25.0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	21.1	20.9
Tỷ suất LNTT (%)	17.6	18.1	18.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.5	12.7	12.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.7	44.5	38.6
Nợ thuần/VCSH (%)	20.8	19.4	12.4
ROAE (%)	28.7	28.2	27.8
ROACE (%)	31.0	29.1	28.9
EV/doanh thu (lần)	2.87	2.56	2.21
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.8	12.1	10.6
P/E ĐC (lần)	24.2	21.1	18.4
P/B (lần)	5.87	5.10	4.36
Lợi suất cổ tức (%)	1.68	2.10	2.10

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp

han.vtn@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp &

nga.ttthu@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Tháng 5/2025: Doanh thu giảm tốc, nhưng lợi nhuận vững đà tăng

- FPT công bố KQKD tháng 5/2025 với lợi nhuận thuần đạt 716 tỷ đồng (tăng 20% so với cùng kỳ nhưng giảm 1% so với tháng trước) mặc dù doanh thu tăng chậm lại ở mức 12% so với cùng kỳ (đi ngang so với tháng trước) đạt 5,5 nghìn tỷ đồng, do doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng chậm lại ở mức 9% so với cùng kỳ (giảm 2% so với tháng trước).
- Tuy nhiên, lợi nhuận thuần 5 tháng đầu năm 2025 tăng 18,4% so với cùng kỳ đạt 3.613 tỷ đồng, hoàn thành 40% dự báo cho cả năm 2025 của HSC ở mức 9,1 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 15,2%) trong khi doanh thu tăng chậm lại trong giai đoạn này, xuống 13,1% đạt 27,1 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 38% dự báo cho cả năm 2025 ở mức 71,1 nghìn tỷ đồng.
- Trái ngược với lợi nhuận vững chắc, doanh thu thuần giảm tốc, với mối lo ngại chính là mảng dịch vụ CNTT nước ngoài. Chúng tôi dự báo đà tăng trưởng doanh thu thuần và doanh thu ký kết sẽ tăng tốc từ nửa cuối năm 2025 khi chính sách thuế quan được xác định rõ ràng. Khuyến nghị Tăng tỷ trọng.

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 5/2025 và 5 tháng đầu năm 2025

Ngày 16/6/2025, FPT công bố KQKD sơ bộ tháng 5/2025 và 5 tháng đầu năm 2025. Tốc độ tăng trưởng (so với cùng kỳ) của lợi nhuận thuần trong tháng 5 tăng lên 19,9% (so với 10% trong tháng 4/2025), đa phần nhờ tỷ suất lợi nhuận cải thiện từ mức nền thấp của tháng 5/2024 (tỷ suất lợi nhuận đi ngang so với tháng trước). Doanh thu thuần tăng chậm lại trong tháng 5, ở mức 11,6% so với cùng kỳ so với 12,3% trong tháng 4/2025. Lợi nhuận thuần 5 tháng đầu năm 2025 vững chắc, tăng 18,4% so với cùng kỳ mặc dù doanh thu thuần tăng chậm lại ở mức 13,1% so với cùng kỳ.

Doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng chỉ 8,5% trong tháng 5

FPT công bố doanh thu tháng 5/2025 đạt 5.499 tỷ đồng, tăng 11,6% so với cùng kỳ (đi ngang so với tháng trước), đa phần do mảng dịch vụ CNTT nước ngoài kém khả quan. Trong 5 tháng đầu năm 2025, doanh thu đạt 27,1 nghìn tỷ đồng, tăng 13,1% so với cùng kỳ và hoàn thành 38,1% dự báo doanh thu

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/6.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD tháng 5 & 5 tháng đầu năm 2025, FPT

Lợi nhuận vẫn vững chắc bất chấp doanh thu sụt giảm

Tỷ đồng	T5/25	% sv cùng kỳ	% sv tháng trước	5T25	% sv cùng kỳ	2025 HSCF	% HSCF
Doanh thu	5,499	11.6%	0.0%	27,056	13.1%	71,099	38.1%
CNTT	3,397	11.1%	-0.3%	16,574	14.2%	44,820	37.0%
Nước ngoài	2,765	8.5%	-1.8%	13,766	14.7%	35,516	38.8%
Trong nước	632	23.9%	6.6%	2,808	11.7%	9,304	30.2%
Viễn thông	1,601	12.6%	3.9%	7,724	13.8%	20,283	38.1%
Khác	502	12.6%	-8.7%	2,759	5.5%	5,995	46.0%
LNTT	1,034	19.4%	-0.6%	5,099	18.2%	12,887	39.6%
CNTT	494	28.6%	20.2%	2,321	20.2%	6,163	37.7%
Nước ngoài	444	17.5%	10.7%	2,236	19.4%	5,611	39.8%
Trong nước	50	733.3%	400.0%	85	46.6%	552	15.4%
Viễn thông	380	18.0%	4.7%	1,710	18.9%	4,377	39.1%
Khác	160	0.0%	-39.8%	1,068	13.1%	2,347	45.5%
Lợi nhuận thuần	716	19.9%	-1.0%	3,613	18.4%	9,051	39.9%

Nguồn: FPT, HSC

thuần cho cả năm 2025 của chúng tôi ở mức 71,1 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 13,1%). Chi tiết như sau:

- Trong tháng 5, doanh thu **dịch vụ CNTT nước ngoài** tăng chỉ 8,5% so với cùng kỳ đạt 2.765 tỷ đồng (giảm 1,8% so với tháng trước) do tình hình kém khả quan kéo dài tại thị trường châu Á-Thái Bình Dương và Mỹ. Cụ thể, doanh thu của thị trường ngoài Nhật Bản giảm 5% so với cùng kỳ (và giảm 5% so với tháng trước) mặc dù thị trường Nhật Bản vẫn tăng 30% so với cùng kỳ. Đáng lưu ý, tốc độ tăng trưởng doanh thu của dịch vụ CNTT nước ngoài trong tháng 5 tăng 8,5% so với cùng kỳ, lần đầu giảm xuống mức tăng dưới 10% trong 3 năm qua.
- Theo đó, doanh thu **dịch vụ CNTT nước ngoài** trong 5 tháng đầu năm 2025 đạt 13,8 nghìn tỷ đồng (tăng 14,7% so với cùng kỳ). Xét theo thị trường, Nhật Bản là thị trường vững chắc nhất, với mức tăng trưởng 30% so với cùng kỳ trong 5 tháng đầu năm 2025 đạt 6.066 tỷ đồng, trong khi các thị trường ngoài Nhật Bản tăng chỉ 5% so với cùng kỳ đạt 7.700 tỷ đồng trong 5 tháng đầu năm 2025.
- Doanh thu mảng **chuyển đổi số** trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2025 vẫn kém tích cực, lần lượt ở mức 1.264 tỷ đồng (tăng 5,6% so với cùng kỳ) và 6.115 tỷ đồng, tăng 20,4% so với cùng kỳ.
- **Doanh thu ký kết** 5 tháng đầu năm 2025 tăng khiêm tốn 7,4% so với cùng kỳ đạt 17.555 tỷ đồng, phản ánh doanh thu ký kết tháng 5 kém khả quan ở mức 2.171 tỷ đồng, giảm 9,6% so với cùng kỳ. Đây là tháng thứ 3 liên tiếp, Công ty ghi nhận doanh thu ký kết giảm so với cùng kỳ.

Điều này cho doanh thu dịch vụ CNTT nước ngoài chưa có dấu hiệu phục hồi trong ngắn hạn. Chúng tôi cũng chưa ghi nhận dấu hiệu rõ rệt nào cho thấy sự cải thiện ở mảng này, chủ yếu do tình hình bất ổn kinh tế và địa chính trị vẫn chưa hạ nhiệt. HSC kỳ vọng nhu cầu dịch vụ CNTT sẽ cải thiện từ nửa cuối năm 2025 trở đi, nếu tình hình bất ổn về thuế quan được giải quyết.

Về lợi nhuận, LNTT mảng dịch vụ CNTT nước ngoài trong tháng 5 đạt 444 tỷ đồng (tăng 17,5% so với cùng kỳ và tăng 10,7% so với tháng trước) và 2.236 tỷ đồng (tăng 19,4% so với cùng kỳ) trong 5 tháng năm 2025, bất chấp doanh thu thấp, nhưng nhờ hiệu suất kinh doanh cao hơn.

Đối với mảng **dịch vụ CNTT trong nước**, doanh thu tháng 5 tăng mạnh lên 632 tỷ đồng (tăng 23,9% so với cùng kỳ và tăng 6,6% so với tháng trước) và 2.808 tỷ đồng (tăng 11,7% so với cùng kỳ) trong 5 tháng năm 2025. Điều này đã hỗ trợ LNTT của mảng dịch vụ CNTT trong nước tháng 5/2025 và 5 tháng năm 2025 lần lượt đạt 50 tỷ đồng (gấp 7,3 lần so với cùng kỳ và cao gấp 4 lần so với tháng trước) và 85 tỷ đồng (tăng 46,6% so với cùng kỳ).

Mảng Viễn thông tiếp tục thể hiện vai trò quan trọng

Trái ngược với tình hình kém khả quan của mảng Công nghệ, KQKD của mảng Viễn thông vững chắc, với doanh thu và LNTT trong tháng 5/2025 lần lượt tăng 12,6% so với cùng kỳ (tăng 4% so với tháng trước) và tăng 18% so với cùng kỳ (tăng 5% so với tháng trước), đạt 1.601 tỷ đồng và 380 tỷ đồng. Theo đó, doanh thu và LNTT mảng Viễn thông 5 tháng đầu năm 2025 đạt lần lượt 7.724 tỷ đồng (tăng 13,8% so với cùng kỳ) và 1.710 tỷ đồng (tăng 18,9% so với cùng kỳ).

Doanh thu trong tháng 5 của các phân khúc khác như Giáo dục và Đầu tư đạt 502 tỷ đồng (tăng 12,6% so với cùng kỳ nhưng giảm 8,7% so với tháng trước), với doanh thu lũy kế 5 tháng đầu năm 2025 đạt 2.759 tỷ đồng (tăng 5,5% so với cùng kỳ). LNTT trong tháng 5 của các mảng khác đạt 160 tỷ đồng (không đổi so với cùng kỳ nhưng giảm 39,8% so với tháng trước) và 1.068 tỷ đồng (tăng 13,1% so với cùng kỳ) trong 5 tháng đầu năm 2025. FPT đã khởi công xây dựng trường trung học phổ thông ở Sóc Trăng trong tháng 6 này, với kế hoạch tuyển sinh 2.160 học sinh cho năm học 2025-2026.

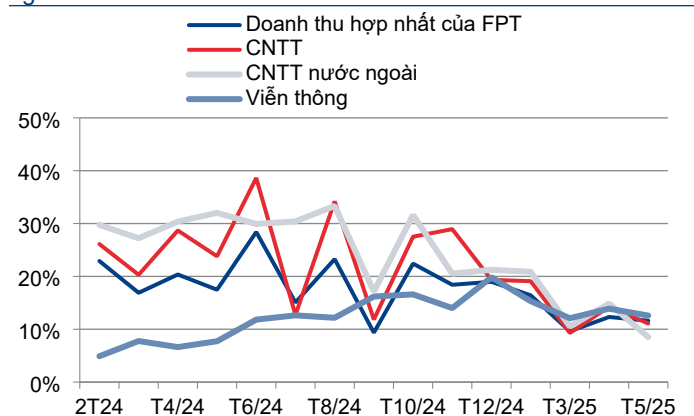
Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu không đổi 140.600đ

Với KQKD 5 tháng đầu năm 2025, FPT đã hoàn thành lần lượt 38,1% và 39,9% dự báo doanh thu thuần và LNST cho cả năm 2025 của HSC ở mức 71.099 tỷ đồng (tăng trưởng 13,1%) và 9.051 tỷ đồng (tăng trưởng 15,2%) - đa phần sát với dự báo.

Chúng tôi duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với FPT với giá mục tiêu 140.600đ (tiềm năng tăng giá 18%). FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 19,9 lần, cao hơn so với quân quá khứ ở mức 19,2 lần. So với các công ty cùng ngành, FPT đang giao dịch ở mức chiết khấu 20%/25% so với bình quân các công ty cùng ngành trong khu vực. Chúng tôi kỳ vọng đà tăng trưởng doanh thu của mảng dịch vụ CNTT nước ngoài sẽ phục hồi từ nửa cuối năm 2025 trở đi, tùy thuộc vào việc giải quyết tình trạng bất ổn từ thuế quan. Với chính sách thuế được kỳ vọng sẽ rõ ràng hơn và định giá hấp dẫn của cổ phiếu sẽ là những động lực tăng trưởng chính cho giá cổ phiếu, khơi dậy sự quan tâm của nhà đầu tư đối với FPT.

Biểu đồ 2: Tăng trưởng doanh thu hàng tháng, FPT

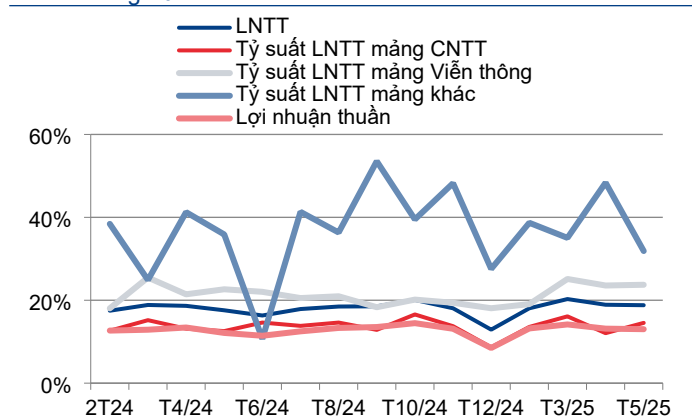
Đà tăng trưởng chậm lại, chủ yếu do mảng dịch vụ CNTT nước ngoài



Nguồn: FPT, HSC

Biểu đồ 3: Biến động tỷ suất lợi nhuận hàng tháng, FPT

Tỷ suất lợi nhuận thuần cải thiện so với cùng kỳ nhưng đi ngang so với tháng trước



Nguồn: FPT, HSC

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	52,618	62,849	71,099	81,696	94,082
Lợi nhuận gộp	20,320	23,698	26,965	31,021	35,548
Chi phí BH&QL	(11,868)	(13,190)	(15,299)	(17,547)	(20,186)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	8,452	10,508	11,666	13,474	15,362
Lãi vay thuần	618	124	631	653	872
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	42.3	393	540	695	873
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	91.3	44.6	50.4	58.0	66.7
LN TT	9,203	11,070	12,887	14,880	17,174
Chi phí thuế TNDN	(1,415)	(1,642)	(1,981)	(2,344)	(2,754)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,323)	(1,571)	(1,855)	(2,117)	(2,345)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,465	7,857	9,051	10,418	12,075
Lợi nhuận thuần ĐC	6,449	7,849	9,042	10,408	12,063
EBITDA ĐC	10,738	13,044	14,981	17,061	19,725
EPS (đồng)	4,661	4,917	5,621	6,470	7,500
EPS ĐC (đồng)	4,052	4,917	5,621	6,470	7,500
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500	2,500	3,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,267	1,471	1,481	1,481	1,481
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,481	1,481	1,481
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,481	1,481	1,481

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	8,279	9,315	14,214	17,252	22,908
Đầu tư ngắn hạn	16,104	21,785	26,142	31,371	37,645
Phải thu khách hàng	9,674	11,382	12,842	15,226	17,534
Hàng tồn kho	1,593	1,857	2,133	2,451	2,822
Các tài sản ngắn hạn khác	1,055	1,197	1,422	1,634	1,882
Tổng tài sản ngắn hạn	36,706	45,536	56,753	67,933	82,791
TSCĐ hữu hình	13,697	15,334	17,551	17,539	17,173
TSCĐ vô hình	1,257	2,040	2,009	1,928	1,782
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,227	1,037	1,179	1,308	1,443
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,108	2,281	2,395	2,515	2,641
Tài sản dài hạn khác	5,288	5,772	5,350	5,705	6,198
Tổng tài sản dài hạn	23,577	26,464	28,485	28,995	29,237
Tổng cộng tài sản	60,283	72,000	85,238	96,928	112,028
Nợ ngắn hạn	13,838	14,446	19,197	20,424	23,520
Phải trả người bán	2,603	4,424	4,996	5,740	6,610
Nợ ngắn hạn khác	11,176	13,105	14,637	16,818	19,368
Tổng nợ ngắn hạn	29,652	34,836	42,136	46,782	53,875
Nợ dài hạn	208	501	1,000	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	246	357	428	514	617
Nợ dài hạn khác	175	315	356	409	471
Tổng nợ dài hạn	629	1,173	1,784	1,923	2,088
Tổng nợ phải trả	30,350	36,272	43,920	48,705	55,963
Vốn chủ sở hữu	24,974	29,794	34,494	40,376	47,041
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,959	5,933	6,823	7,847	9,024
Tổng vốn chủ sở hữu	29,933	35,728	41,318	48,223	56,065
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,283	72,000	85,238	96,928	112,028
BVPS (đ)	19,665	20,253	23,286	27,256	31,756
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,767	5,632	5,983	4,172	1,613

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,452	10,508	11,666	13,474	15,362
Khấu hao	(2,287)	(2,535)	(3,315)	(3,587)	(4,363)
Lãi vay thuần	618	124	631	653	872
Thuế TNDN đã nộp	(1,415)	(1,642)	(1,981)	(2,344)	(2,754)
Thay đổi vốn lưu động	678	303	(918)	(1,456)	(1,224)
Khác	(1,102)	(125)	(981)	(1,394)	(1,490)
LCT thuần từ HĐKD	9,517	11,704	11,730	12,520	15,130
Đầu tư TS dài hạn	(3,978)	(3,275)	(5,897)	(3,977)	(4,439)
Góp vốn & đầu tư	(35,290)	(43,063)	(4,471)	(5,348)	(6,400)
Thanh lý	30,582	36,346	0	0	0
Khác	2,137	1,530	1,990	2,320	2,712
LCT thuần từ HĐĐT	(6,548)	(8,462)	(8,378)	(7,006)	(8,126)
Cổ tức trả cho CSH	(2,931)	(3,292)	(3,703)	(3,703)	(4,444)
Thu từ phát hành CP	73.1	163	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,719	933	5,249	1,227	3,096
Khác	(30.2)	(2.31)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,168)	(2,198)	1,546	(2,476)	(1,348)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	6,440	8,279	9,315	14,214	17,252
LCT thuần trong kỳ	1,800	1,044	4,899	3,038	5,656
Ảnh hưởng của tỷ giá	38.6	(7.92)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,279	9,315	14,214	17,252	22,908
Dòng tiền tự do	5,539	8,428	5,833	8,542	10,691

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	38.6	37.7	37.9	38.0	37.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.8	21.1	20.9	21.0
Tỷ suất LNT (%)	12.3	12.5	12.7	12.8	12.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.4	14.8	15.4	15.8	16.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.6	19.4	13.1	14.9	15.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	21.5	14.9	13.9	15.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	21.7	15.2	15.1	15.9
Tăng trưởng EPS (%)	5.24	5.47	14.3	15.1	15.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.2	21.3	14.3	15.1	15.9
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0	0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	42.9	40.7	44.5	38.6	40.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.1	28.7	28.2	27.8	27.6
ROACE (%)	29.3	31.0	29.1	28.9	28.4
Vòng quay tài sản (lần)	0.94	0.95	0.90	0.90	0.90
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	1.13	1.11	1.01	0.93	0.98
Số ngày tồn kho	18.0	17.3	17.6	17.7	17.6
Số ngày phải thu	109	106	106	110	109
Số ngày phải trả	29.4	41.2	41.3	41.3	41.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	25.5	20.8	19.4	12.4	5.43
Nợ/tài sản (%)	24.3	21.5	24.5	22.9	22.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.36	1.19	1.40	1.30	1.29
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.31	1.35	1.45	1.54
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.98	2.87	2.56	2.21	1.89
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.6	13.8	12.1	10.6	9.00
P/E (lần)	25.5	24.2	21.1	18.4	15.8
P/E ĐC (lần)	29.3	24.2	21.1	18.4	15.8
P/B (lần)	6.04	5.87	5.10	4.36	3.74
Lợi suất cổ tức (%)	1.68	1.68	2.10	2.10	2.53

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn